

Bản án số: 128/2026/DS-ST

Ngày: 07/5/2026

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Lộc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thanh Phong.

2. Ông Đoàn Anh Kiệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Sĩ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2026/TLST-DS ngày 10/02/2026 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2026/QĐXXST-DS ngày 20/4/2026 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị B, sinh năm 1950. Địa chỉ: số C, ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị B là ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Huỳnh Long Đ, sinh năm 1952. (có mặt)

Bà Lê Thị B1, sinh năm 1953. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số E, ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/01/2026, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị B là ông Nguyễn Minh C trình bày:***

Nguyên vào ngày 06/12/2025, bà Trần Thị B có cho vợ chồng ông Huỳnh Long Đ, sinh năm 1952 và bà Lê Thị B1, sinh năm 1953, cùng địa chỉ thường trú: số E ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre) vay số tiền 2.850.000.000 (Hai tỷ, tám trăm năm mươi triệu) đồng để đáo hạn Ngân hàng. Ông Đ và bà Lê Thị B1 sẽ trả cho bà Trần Thị B số tiền trên trong vòng 01 tháng. Lúc đó,

bà Trần Thị B và ông Đ có viết giấy mượn tiền, ông Đ cũng có ký tên xác nhận, bà Lê Thị B1 không có ký tên vào biên nhận nhưng có gọi điện thông báo cho bà Lê Thị B1 biết nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hết thời hạn trả như thỏa thuận, nhiều lần bà Trần Thị B yêu cầu vợ chồng ông Đ và bà Lê Thị B1 trả cho bà Trần Thị B số tiền nêu trên nhưng vợ chồng ông Đ và bà Lê Thị B1 cứ hẹn lần hẹn lượt và không chịu trả cho bà Trần Thị B số tiền trên.

Nay bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Huỳnh Long Đ và bà Lê Thị B1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị B số tiền 2.850.000.000 (Hai tỷ, tám trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

**Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Long Đ trình bày:**

Ông thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 06/12/2025. Ông thừa nhận có vay của bà Trần Thị B số tiền 2.850.000.000 (Hai tỷ, tám trăm năm mươi triệu) đồng để cho những người khác vay lại trả tiền đáo hạn Ngân hàng nhằm mục đích lấy tiền lời chênh lệch để chi tiêu cá nhân không phục vụ cho mục đích chung của gia đình, mọi chi phí sinh hoạt trong nhà đều do người con út của ông lo liệu. Ông đồng ý trả số tiền 2.850.000.000 đồng cho bà Trần Thị B, việc bà B yêu cầu vợ ông là bà Lê Thị B1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền 2.850.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Do chỉ mình ông vay, vợ ông là bà Lê Thị B1 không biết. Số tiền lãi ông đã đóng trước đây cho bà Trần Thị B là do các bên tự nguyện thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông và bà Lê Thị B1 sống chung từ năm 1973 đến ngày 19/12/2025 thì ông và bà Lê Thị B1 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2026, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt ngày 17/4/2026 bị đơn bà Lê Thị B1 trình bày:***

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B yêu cầu bà Lê Thị B1 có nghĩa vụ liên đới với ông Huỳnh Long Đ để trả cho bà Trần Thị B số tiền 2.850.000.000 (Hai tỷ, tám trăm năm mươi triệu) đồng thì bà không đồng ý vì bà không biết và không có ký tên vào Biên nhận nợ.

Bà Lê Thị B1 và ông Huỳnh Long Đ sống chung từ năm 1973 đến ngày 19/12/2025 thì ông và bà Lê Thị B1 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Do bà Lê Thị B1 bị bệnh nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến:***

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại các Điều 203, 205, 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký:* Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định tại các Điều 234, 236, 237, 239 đến Điều 263 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn ông Huỳnh Long Đ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Riêng bị đơn bà Lê Thị B1 chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

*Về nội dung:* căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 92, 97 BLTTDS; áp dụng các Điều 463, 466 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B, buộc ông Huỳnh Long Đ có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 2.850.000.000 (hai tỷ, tám trăm năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận việc bà Trần Thị B không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B về việc buộc bà Lê Thị B1 có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Huỳnh Long Đ trả cho bà số tiền 2.850.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà không được Toà án chấp nhận. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Huỳnh Long Đ phải có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định. Tuy nhiên, do bà Trần Thị B và ông Huỳnh Long Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị B tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Huỳnh Long Đ, bà Lê Thị B1. Do bị đơn sinh sống tại xã Đ, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị B1 có đơn yêu cầu xét xử vắng nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị B1.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn bà Trần Thị B khi khởi kiện có cung cấp cho Tòa án Bản chính Biên nhận ngày 06/12/2025. Bị đơn ông Huỳnh Long Đ thừa nhận có ký tên vào biên nhận này và còn nợ bà Trần Thị B số tiền 2.850.000.000 (Hai tỷ, tám

trăm năm mươi triệu) đồng và đồng ý trả cho bà Trần Thị B số tiền này. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B là có căn cứ chứng minh một phần theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về trách nhiệm liên đới của bà Lê Thị B1: Tòa án ban hành thông báo số 120/TB-TA ngày 03/3/2026 yêu cầu bà Trần Thị B cung cấp tài liệu chứng minh trách nhiệm liên đới của bà Lê Thị B1 nhưng bà Trần Thị B không cung cấp được. Mặt khác bà Lê Thị B1 không có ký tên vào biên nhận nợ cũng như bà Trần Thị B không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền cho ông Đ vay sử dụng vào mục đích chung phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê Thị B1 có nghĩa vụ liên đới với ông Đ để trả cho bà Trần Thị B số tiền 2.850.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B là có căn cứ một phần phù hợp với các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B. Buộc ông Huỳnh Long Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B số tiền 2.850.000.000 (Hai tỷ, tám trăm năm mươi triệu) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị B buộc bà Lê Thị B1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông Huỳnh Long Đ trả cho bà Trần Thị B số tiền 2.850.000.000 (Hai tỷ, tám trăm năm mươi triệu) đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên bà Trần Thị B phải nộp án phí và ông Huỳnh Long Đ có nghĩa vụ nộp án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B được Tòa án chấp nhận nhưng do bà Trần Thị B và ông Huỳnh Long Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, các Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B. Buộc ông Huỳnh Long Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B số tiền 2.850.000.000 (Hai tỷ, tám trăm năm mươi triệu) đồng. Bà Trần Thị B không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị B buộc bà Lê Thị B1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông Huỳnh Long Đ trả cho bà Trần Thị B số tiền 2.850.000.000 (Hai tỷ, tám trăm năm mươi triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: do nguyên đơn bà Trần Thị B và bị đơn ông Huỳnh Long Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Hữu Lộc**

